

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17 /2026/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28 tháng 5 năm 2015 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 33/TTr-STC ngày 26 tháng 01 năm 2026 và kết quả biểu quyết của các thành viên UBND thành phố tại Công văn số 1119/VP-KT ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Văn phòng UBND thành phố.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 03 năm 2026.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *W*

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính, Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ, Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP Đà Nẵng;
- UBMTTQVN thành phố và các đoàn thể;
- VPTU và các Ban Thành ủy;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- VP UBND: CVP, các PCVP;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh truyền hình Đà Nẵng;
- Cổng Thông tin điện tử TP Đà Nẵng;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, KT, STC. *25/4*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Kỳ Minh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2026

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong công tác quản lý nhà nước
đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong việc:

1. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh.
2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.
3. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.
4. Xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và các vi phạm khác.
5. Báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.
2. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đóng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng gồm: Thuế thành phố, Thống kê thành phố, Chi cục Hải quan khu vực XII, Ngân hàng Nhà nước - Khu vực 9, Bảo hiểm xã hội thành phố, Công an thành phố.
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan chức năng là cơ quan quy định tại Điều 2 Quy chế này.

2. *Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp* tại địa chỉ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn> là cổng thông tin điện tử do Bộ Tài chính xây dựng, vận hành được sử dụng để tra cứu thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử, công bố thông tin về đăng ký doanh nghiệp và truy cập thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. *Công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp một cách rộng rãi, không thu phí.

4. *Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp.

5. *Kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc xem xét, đánh giá, xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền đối với việc chấp hành pháp luật chuyên ngành của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các nhân, tổ chức có liên quan thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực.

6. *Thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là hoạt động xem xét, đánh giá, kết luận, kiến nghị xử lý của cơ quan thanh tra đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ chức, cá nhân có liên quan theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

7. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

8. *Giám sát doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc các cơ quan chức năng theo nhiệm vụ, quyền hạn tiến hành theo dõi, quan sát mang tính chủ động thường xuyên đối với hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi, địa bàn phụ trách nhằm đảm bảo việc tuân thủ pháp luật.

9. *Hệ thống quản lý doanh nghiệp sau đăng ký* (Hệ thống hậu kiểm) là ứng dụng do Bộ Tài chính xây dựng, vận hành được sử dụng để tra cứu, cập nhật các thông tin về xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động của doanh nghiệp (nếu có), việc chấp hành các quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền; giám sát, yêu cầu doanh nghiệp báo cáo việc tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp.

10. *Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp* là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

11. *Tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh* là tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh.

Điều 4. Mục tiêu

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh

ng nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập tại địa phương theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

c) Tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh của các cơ quan chức năng được thực hiện thông qua văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu và theo đúng quy định. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

a) Số lần thanh tra đối với mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có) không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

b) Số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có), bao gồm cả kiểm tra liên ngành, không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

c) Đối với cùng một nội dung quản lý nhà nước, trường hợp đã tiến hành hoạt động thanh tra thì không thực hiện hoạt động kiểm tra hoặc đã tiến hành hoạt động kiểm tra thì không thực hiện hoạt động thanh tra doanh nghiệp, hộ

kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong cùng một năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

d) Kế hoạch, kết luận thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải được công khai theo quy định của pháp luật.

đ) Xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng, lợi dụng thanh tra, kiểm tra để những nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

e) Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử; giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp.

g) Miễn kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tuân thủ tốt quy định của pháp luật.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

Chương II

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Điều 6. Nội dung thông tin doanh nghiệp

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, bao gồm: Tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; Thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần, của thành viên công ty hợp danh, của chủ doanh nghiệp tư nhân; Thông tin cá nhân của thành viên là cá nhân, tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của thành viên là tổ chức, giá trị và tỷ lệ vốn góp của thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; Vốn điều lệ đối với công ty, vốn đầu tư đối với doanh nghiệp tư nhân; Ngành, nghề kinh doanh; Danh sách cổ đông sáng lập; Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần (nếu có); Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi/danh sách để xác định chủ sở hữu hưởng lợi (nếu có); Tên, mã số, địa chỉ, tên người đứng đầu đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh); Các thông tin khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

2. Thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp bao gồm: Đang hoạt động; Tạm ngừng kinh doanh; Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; Đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập; Đang làm thủ tục phá sản; Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại.

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp theo quy

định của pháp luật.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật, bao gồm: kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác; việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp, các hình thức chế tài (nếu có), Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp

1. Thông tin về đăng ký doanh nghiệp của các doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở tại thành phố Đà Nẵng đã được Bộ Tài chính công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để các cơ quan chức năng khai thác, tra cứu, trao đổi thông tin về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

2. Trường hợp thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy do quá trình chuyển đổi dữ liệu, Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng hướng dẫn doanh nghiệp hoặc trực tiếp bổ sung, cập nhật thông tin theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp

1. Trên cơ sở khai thác từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Sở Tài chính là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố trên Cổng Thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để các cơ quan chức năng tra cứu và thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

2. Sở Tài chính định kỳ đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia với thông tin do cơ quan quản lý thuế cung cấp về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp.

3. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp đến các đơn vị liên quan (trừ các trường hợp theo quy định của luật chuyên ngành).

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý theo quy định; chủ động xây dựng phương án, công cụ trao đổi thông tin doanh nghiệp với Sở Tài chính, Thuế thành phố và các cơ quan đầu mối thông tin

doanh nghiệp khác để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình.

2. Khuyến khích các cơ quan chức năng trao đổi thông tin doanh nghiệp, chia sẻ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp.

3. Các cơ quan chức năng thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Tài chính là đầu mối công khai thông tin doanh nghiệp có hành vi vi phạm luật về doanh nghiệp và đầu tư trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thông qua Cổng Thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn>) và trang Thông tin điện tử của Sở Tài chính (<https://taichinh.danang.gov.vn>). Thông tin công khai bao gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và hành vi vi phạm trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp.

2. Thuế thành phố và các Thuế cơ sở thuộc Thuế thành phố công khai thông tin các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Cục Thuế.

Trường hợp cần trao đổi thông tin, cơ quan Thuế phối hợp cung cấp cho Sở Tài chính danh sách các doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký, đề nghị Sở Tài chính rà soát, đối chiếu các trường hợp đã hoặc chưa thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Các cơ quan chức năng khác, ngoài các cơ quan quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đứng đầu đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp (nếu có).

Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp

1. Khuyến khích các cơ quan chức năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp qua mạng điện tử. Các đơn vị cử cán bộ đầu mối và cung cấp hộp thư điện tử để giao dịch và trao đổi thông tin giữa các đơn vị.

2. Kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin doanh nghiệp của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm phản hồi

bằng văn bản không quá 05 ngày làm việc. Trường hợp cần thời gian để xác minh thêm thông tin, thời hạn phản hồi bằng văn bản có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP; THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP VÀ XỬ LÝ VI PHẠM CỦA DOANH NGHIỆP VỀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KIỆN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài gồm: phối hợp xử phạt doanh nghiệp; yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

1. Xây dựng kế hoạch và phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

Nội dung kế hoạch thanh tra, kiểm tra phải có nội dung chủ yếu sau đây: Mục đích, yêu cầu, phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm, hình thức (thanh tra hay kiểm tra), đơn vị thực hiện hoặc đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các nội dung khác (nếu có).

a) Thanh tra thành phố có trách nhiệm xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cho ý kiến về chủ trương, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra.

b) Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính là cơ quan đầu mối xây dựng Kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp hàng năm của đơn vị trên cơ sở tổng hợp nhu cầu kiểm tra doanh nghiệp của các phòng, ban, đơn vị phụ thuộc; trình Giám đốc Sở phê duyệt Kế hoạch kiểm tra của đơn vị mình.

c) Sở, ban, ngành giao một phòng, ban chuyên môn là đầu mối xây dựng Kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp hàng năm của đơn vị trên cơ sở tổng hợp nhu cầu kiểm tra doanh nghiệp của các phòng, ban, đơn vị phụ thuộc; trình Thủ trưởng đơn vị phê duyệt Kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp của đơn vị mình.

2. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm phối hợp triển khai xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm của mình, cơ quan chức năng phải xác định cụ thể doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp dự kiến thanh tra, kiểm tra.

a) Căn cứ vào định hướng, chương trình kế hoạch công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Thanh tra thành phố xây dựng kế hoạch thanh tra, chậm nhất ngày 20 tháng 11 hằng năm, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, cho ý kiến đối với kế hoạch thanh tra.

Chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hằng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản đối với kế hoạch thanh tra.

Chậm nhất vào ngày 10 tháng 12 hằng năm, Thanh tra thành phố ban hành kế hoạch thanh tra của năm liền kề sau đó.

b) Kế hoạch thanh tra được gửi ngay Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Thanh tra Chính phủ, cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan, tổ chức có liên quan và thông báo đến đối tượng thanh tra.

Các sở, ngành liên quan khi xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên ngành căn cứ kế hoạch thanh tra được phê duyệt của Thanh tra thành phố chủ động phối hợp kiểm tra, rà soát để tránh chồng chéo.

c) Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại địa phương có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng khác trên địa bàn khi xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra của mình để giảm thiểu trùng lặp; gửi cho Thanh tra tỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề đã được cấp trên phê duyệt.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo đúng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được phê duyệt hoặc tiến hành thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp không theo kế hoạch phê duyệt hàng năm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp thành lập đoàn thanh tra liên ngành, Thanh tra thành phố có trách nhiệm chủ trì, các cơ quan liên quan cử cán bộ tham gia. Kết quả thanh tra, liên ngành phải được gửi cho các cơ quan chức năng tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn thanh tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan thanh tra chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm

quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Thanh tra thành phố là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn thành phố; tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chức năng báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải được công khai theo quy định của pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp giám sát, doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, xử lý các hành vi vi phạm về đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh; phối hợp với các Sở, ngành kiểm tra, theo dõi, giám sát, tổng hợp tình hình và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm sau đăng ký thành lập của doanh nghiệp tại địa phương.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025. Các cơ quan chức năng không được ban hành văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khác với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 1 Điều 71 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Thông tin về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được công khai trên Cổng Thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để các cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài tra cứu, xử lý theo quy định của pháp luật đối với các điều kiện kinh doanh đối với doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Các cơ quan chức năng có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính, Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định hành vi vi phạm.

3. Sau khi nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp

thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính, Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác minh. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được thể hiện bằng văn bản, trách nhiệm cụ thể:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản trả lời văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo.

b) Cơ quan công an xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo.

c) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, khu kinh tế và các khu công nghiệp có trách nhiệm xác minh tình hình hoạt động, việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại địa bàn quản lý; xác minh doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế.

4. Khi nhận được văn bản của cơ quan chức năng xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp theo quy định, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng đã có yêu cầu thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở.

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở có trách nhiệm kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền nếu doanh nghiệp tiếp tục hoạt động sau khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp có trụ sở/chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm hoạt động trong khu công nghệ cao, khu kinh tế và các khu công nghiệp của thành phố, các Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, khu kinh tế và các khu công nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền nếu doanh nghiệp tiếp tục hoạt động sau khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý vi phạm của doanh nghiệp về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu

công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng thực hiện cấp đăng ký ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15, Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020 và pháp luật có liên quan. Ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài và điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực phụ trách của các ngành đã được Bộ Tài chính công bố công khai trên Cổng Thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn>.

2. Phối hợp xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài:

a) Các cơ quan chức năng quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

b) Các cơ quan chức năng thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng các trường hợp sau:

Doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng quy định tại Khoản 2 Điều này, Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng thực hiện như sau:

a) Đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp doanh nghiệp không tạm ngừng, không chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo yêu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật

Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

b) Đối với doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và công bố trên Cổng Thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã bị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành xử lý theo thẩm quyền hành vi vi phạm và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Đối với doanh nghiệp có trụ sở/chi nhánh, địa điểm kinh doanh hoạt động trong Khu công nghệ cao, khu kinh tế và các khu công nghiệp của thành phố, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, khu kinh tế và các khu công nghiệp theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã bị yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, khu kinh tế và các khu công nghiệp phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý theo thẩm quyền hành vi vi phạm và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Chương IV

PHỐI HỢP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 17. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành quản lý chuyên ngành

1. Thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin Hộ kinh doanh được thực hiện theo quy định tại Chương II Quy chế này.

2. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra Hộ kinh doanh được thực hiện theo quy định tại Chương III Quy chế này.

3. Tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra hộ kinh doanh theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra hộ kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tiến hành thanh tra, kiểm tra không theo kế hoạch được phê duyệt theo quy định của pháp luật, xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Các Sở, ngành quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho hộ kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

b) Đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp hộ kinh doanh không tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo yêu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Cập nhật hàng ngày vào Hệ thống thông tin về đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh các thông tin cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tạm ngừng hoạt động của hộ kinh doanh. Định kỳ tháng, quý, năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính, các Sở, ngành quản lý chuyên ngành và thông báo cho Thuế cơ sở về tình hình đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn.

2. Trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hoạt động của Hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm trong hoạt động của hộ kinh doanh.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã là cơ quan đầu mối xây dựng Kế hoạch kiểm tra hộ kinh doanh hàng năm trên cơ sở tổng hợp đề xuất kiểm tra của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để phê duyệt Kế hoạch kiểm tra hộ kinh doanh của đơn vị mình.

Chương V

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 19. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội

dung sau:

a) Trao đổi, chia sẻ, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

c) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận hộ kinh doanh.

d) Xử lý vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.

đ) Các nội dung khác quy định tại Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập của thành phố.

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trong tháng 01 hàng năm, các cơ quan chức năng có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được phân công và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 19 Quy chế này của năm liền trước.

2. Sở Tài chính là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại điểm a, c, d, đ Khoản 2 Điều 19 Quy chế này.

3. Thanh tra thành phố là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 19 Quy chế này.

4. Trong tháng 02 hàng năm hoặc theo đề nghị của Bộ Tài chính, Sở Tài chính phối hợp với Thanh tra thành phố dự thảo văn bản đề Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tài chính tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập của năm liền trước theo các nội dung quy định tại Điều 19 Quy chế này, đồng thời gửi cho Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan này.

3. Trong quá trình phối hợp quản lý doanh nghiệp sau cấp phép, cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến hoạt

động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Các cơ quan chức năng khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các Hội và Hiệp hội doanh nghiệp thuộc thành phố thực hiện việc vận động, hướng dẫn các doanh nghiệp tự giác chấp hành các quy định của pháp luật; tham gia, đề xuất với các cơ quan Nhà nước những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh; tổ chức đánh giá, bình chọn và khen thưởng doanh nghiệp tiêu biểu trên địa bàn thành phố.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cá nhân, tổ chức phản ánh kịp thời về Sở Tài chính tổng hợp để nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung./.